

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 18/11/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Trường Sơn

Ông Nguyễn Việt Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLPT- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 35/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986

ĐKKHKT: Khu 2, xã V, huyện B, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1996

ĐKKHKT: Khu 2, xã V, huyện B, tỉnh Phú Thọ;

Hiện ở: Khu 7, xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Đỗ Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/12/2013 tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Khi đó anh làm công nhân ở lò gạch, còn chị H ở nhà nội trợ. Sau khi kết hôn anh chị về ở chung với gia đình nhà chị H, một thời gian ở nhà anh T. Đến nay xét thấy vợ chồng không hợp nhau, tình cảm không còn. Vợ chồng sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Từ khoảng 7/2018 anh chị không ở chung với nhau nữa và sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị Hoa có 01 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Tuấn B, sinh ngày 18/6/2014, hiện cháu B đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; nếu chị H được trực tiếp nuôi con, anh cũng đồng ý, nhưng do điều kiện của anh còn nợ nần nhiều nên chỉ có đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con được ở mức 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/ 01 tháng.

Thời điểm năm 2018, do cháu Nguyễn Đỗ Tuấn B bị bệnh về mắt là bị lác và bị loạn thị, anh chị cũng đã phải vay mượn, bán tài sản để chữa trị cho cháu. Khoảng 1-2 tháng anh chị phải đưa cháu đi khám và điều trị một đợt kéo dài khoảng 01 tháng. Thời gian gần đây chị H cho cháu B về nhà ngoại ở nên anh không biết chi phí khám chữa bệnh là bao nhiêu.

Về tài sản chung, công sức đóng góp cho gia đình: Anh và chị H không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bị đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: về điều kiện kết hôn, ngày, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T đúng như anh T đã trình bày.

Đến nay anh chị không còn tình cảm, không thể hàn gắn để chung sống với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đỗ Tuấn B, sinh ngày 18/6/2014, hiện con chung đang ở cùng chị. Khi vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Do cháu B bị bệnh về mắt là bị lác và bị loạn thị như anh T trình bày, khoảng 1-2 tháng chị đưa cháu đi khám và điều trị. Mỗi đợt kéo dài khoảng một tháng, chi phí khoảng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/ 01 đợt. Chị phải ở nhà chăm sóc con nên không đi làm công ty được. Công việc của chị chủ yếu làm nông nghiệp, thu nhập thấp nên chị đề nghị Tòa án yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ tháng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp cho gia đình: Chị và anh T không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 35/2019/HNGĐ-ST ngày 05/9/2019 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị H.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Đỗ Tuấn B, sinh ngày 18/6/2014; hiện cháu B đang ở cùng chị H. Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) /tháng kể từ tháng 10/2019 đến khi con chung trưởng thành. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức đóng góp cho gia đình: Anh T và chị H đều xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh T và chị H đều không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

+ Ngày 09/9/2019 anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giảm mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những ng-ời tiến hành tố tụng và những ng-ời tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T tại phiên tòa về việc không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đ-ợc xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thời hạn, hình thức đơn kháng cáo của anh T: Đơn làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh T đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm mức cấp dưỡng nuôi con chung. Theo anh T trình bày hiện anh là lao động tự do công việc và thu nhập của anh không ổn định có tháng thu nhập được từ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), có tháng từ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đến 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), ngoài ra anh còn phải trả nợ. Tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định về mức cấp dưỡng: “1. *Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*”.

Theo đó, cha mẹ có nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; người không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa trong phần tranh luận chị H thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, không đề nghị anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T cũng đồng ý quan điểm của chị H. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cần được ghi nhận. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án huyện B, tỉnh

Phú Thọ theo hướng công nhận sự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Thị H tại tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí cấp dưỡng nuôi con phúc thẩm: Trên cơ sở kháng cáo của anh T, hai bên đã tự nguyện thỏa thuận anh T không không phải cấp dưỡng nuôi con, nên sửa bản án sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm: Anh T không phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2019/HNGĐ – ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Phú Thọ về phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Đỗ Tuấn B, sinh ngày 18/6/2014 cho đến khi con thành niên; Hiện cháu B đang ở cùng chị H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị H thống nhất thỏa thuận không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

2. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0001715 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Phú Thọ.

Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001807 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương